TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THÀNH PHỐ CẦN THƠ	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 730/2025/DS-PT
Ngày: 16/12/2025
V/v "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy quyết định nhận con nuôi, hủy giấy khai sinh cấp trái pháp luật"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán:Ông Nguyễn Văn Toàn

Ông Trần Nam Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành Phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Tô Hoàng Ơn – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân Thành Phố Cần Thơ công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 256/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy quyết định nhận con nuôi, hủy giấy khai sinh cấp trái pháp luật".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 56/2025/DS-ST, ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang; Nay là Tòa án khu vực 14 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 741/2025/QĐPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 giữa đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Hồng N, sinh năm 1963; Địa chỉ xã T, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ: số D Quốc lộ A ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố Cần Thơ. Trước đây là Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Long D – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh N1; Địa chỉ xã Đ, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ: Ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2.2 Anh Trương Hoàng Hữu T, sinh năm 1997; Địa chỉ xã Đ, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ: Ấp P, xã Đ, huyện C, Hậu Giang. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trương Hoàng Hữu T: Chị Đoàn Thị Diễm T1, Địa chỉ âp P, xã Đ, huyện C, Hậu Giang. Nay là xã Đ, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang là Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ.

3.2. Ngân hàng N2

Đại diện theo ủy quyền tố tụng: Ông Trương Quốc P – Phó giám đốc; Địa chỉ: ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã C, thành phố Cần Thơ.

3.3. Ông Lê Văn T2, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện C, Hậu Giang. Nay là xã C, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Ông Trương Hoàng Hữu T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Lâm Thị Hồng N trình bày: Nguyên đơn và chồng là ông Trương Văn S (đã chết) chung sống từ năm 1989 và có đăng ký kết hôn do UBND xã Đ cấp ngày ngày 19/12/2002. Năm 1998, chồng nguyên đơn có cho người cháu ruột là Lê Văn T2, kêu chồng nguyên đơn bằng cậu ruột mượn hộ khẩu để nhập khẩu cho cháu Trương Hoàng Hữu T, sinh 11/04/1997 là con đẻ của T2, nhập hộ khẩu để đi học. Hiện tại từ trước cho đến nay, vợ chồng nguyên đơn chưa bao giờ thấy được Giấy khai sinh cũng như Quyết định nhận con nuôi tên Trương Hoàng Hữu T như thế nào và vợ chồng nguyên đơn chưa bao giờ biết hoặc ký lên các văn bản nào liên quan đến việc nhận con nuôi hoặc làm giấy khai sinh cho Trương Hoàng Hữu T. Giữa vợ chồng nguyên đơn chưa bao giờ có bất cứ phát sinh nào về quan hệ cha, mẹ, con với nhau. Từ khi gia đình ông T2 tự làm giấy khai sinh cho đến nay Trương Hoàng Hữu T chưa bao giờ ở chung hoặc sinh hoạt gia đình chung với nguyên đơn. Cháu T ở cùng với cha ruột là Lê Văn T2 từ nhỏ cho đến nay. Nay chồng nguyên đơn đã chết còn tài sản là 600.000.000 đồng và 03 quyền sử dụng đất gần 3.000m^2 bên gia đình các cháu chồng buộc nguyên đơn phải lập di chúc để lại nhà và đất cho cháu Trương Hoàng Hữu T . Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xem xét:

Hủy khai sinh của vợ chồng nguyên đơn với cháu Trương Hoàng Hữu T, vì khai sinh được thực hiện không đúng trình tự theo quy định pháp luật, vợ chồng nguyên đơn không phải là cha, mẹ ruột của cháu T3 Hoàng Hữu T. Yêu cầu cơ quan có thẩm

quyền cấp lại khai sinh cháu Trương Hoàng Hữu T theo họ của cha là cháu Lê Văn T2.

Yêu cầu được công nhận di sản thừa kế của ông Trương Văn S để lại là đất tổng diện tích 2.594,8m^2, nhà, công trình trên đất theo đo đạc thực tế vì nguyên đơn là người thừa kế duy nhất.

Nguyên đơn không yêu cầu đối với phần tiền 600.000.000 đồng do nguyên đơn và Trương Hoàng Hữu T không tranh chấp, nguyên đơn đã nhận số tiền đầy đủ.

* Quá trình tố tụng ông Nguyễn Thanh N1 đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã Đ trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì trình tự thủ tục đăng ký giấy khai sinh ông cho rằng đúng quy định của pháp luật. Về nội dung ông không có ý kiến. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Quá trình tố tụng bị đơn Trương Hoàng Hữu T trình bày: Lúc 4 tuổi ông Trương Văn S và bà Lâm Thị Hồng N có nhận bị đơn làm con. Bị đơn không tranh chấp về số tiền 600.000.000 đồng và bà Lâm Thị Hồng N đã trình bày nhận đủ số tiền. Đối với tài sản là nhà, mồ mã, đất đai của ông bà thì bị đơn không tranh chấp nhưng bà Lâm Thị Hồng N không được quyền sang, bán. Bị đơn yêu cầu khi bà S tức bà Lâm Thị Hồng N không được sang, bán mà khi trăm tuổi già qua đời, để lại cho bị đơn thừa hưởng toàn bộ để bị đơn lo hương khói cho ông bà vì ông bà không có con cái. Bị đơn làm con của ông bà S trên giấy tờ, thực tế không chung sống chung với ông, bà S mà sống chung nhà với cha, mẹ ruột là ông Lê Văn T2 từ khi sinh ra cho đến nay. Thủ tục làm giấy tờ bị đơn không biết do ai thực hiện vì lúc đó còn nhỏ, bị đơn yêu cầu giữ nguyên họ tên Trương Hoàng Hữu T. Hiện nay bị đơn đã đi làm ở Cần Thơ. Bị đơn yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật vì bị đơn tuy làm con nuôi nhưng ông, bà S coi bị đơn như con ruột.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2025/DS-ST, ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn Lâm Thị Hồng N. Công nhận cho nguyên đơn được thừa kế di sản của ông Trương Văn S là quyền sử dụng đất tổng diện tích 2.594,8m2. (Kèm lược đồ).

Buộc bị đơn Trương Hoàng Hữu T chấm dứt hành vi ngăn cản, gây cản trở cho nguyên đơn Lâm Thị Hồng N đối với phần đất được công nhận có tổng diện tích 2.594,8m^2.

Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn Trương Hoàng Hữu T về việc yêu cầu được chia thừa kế phần đất tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Lâm Thị Hồng N được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ yêu cầu yêu cầu hủy quyết định nuôi con nuôi của nguyên đơn.

3. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy giấy khai sinh của ông Trương Hoàng Hữu T được UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (cũ) cấp ngày 03/11/1988.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/6/2025 bị đơn Trương Hoàng Hữu T có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2025/DS-ST, ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang với nội dung yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu chia quyền sử dụng theo đất hộ và chia thừa kế theo pháp luật phần của ông Trương Văn S.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo yêu cầu chia quyền sử dụng theo đất hộ và chia thừa kế theo pháp luật phần của ông Trương Văn S.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Trương Hoàng Hữu T yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm là đảm bảo đúng trình tự thủ tục uy định của pháp luật. Đồng thời, phân tích đánh giá tính pháp lý các chứng cứ các đương sự cung cấp. Kiểm sát nhận định cấp sơ thẩm có nhiều sai sót trong trình tự thủ tục, chưa đánh giá toàn diện yêu cầu khởi kiện của đương sự; Thụ lý và quyết định sơ thẩm không đảm bảo đúng khoản 1 Điều 5 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2025/DS-ST, ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị hủy án do vi phạm thủ tục tố tụng và đánh giá nội dung chưa toàn diện. Nhận thấy, Các đương sự tranh chấp xung quanh vấn đề chia tài sản và chia thừa tài sản là quyền sử dụng đất; Tuy nhiên quá trình thực hiện thủ tục của cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng, nhưng nếu hủy án không làm thay đổi nội dung giải quyết vụ án mà còn phải kéo dài mất thời gian đi lại của đương sự; Do đó chỉ cần nhắc nhỡ khác

phục mà không phải hủy án, những nội dung đương sự yêu cầu vẫn giải quyết và đảm bảo được các quyền yêu cầu của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bà Lâm Thị Hồng N và ông Trương Văn S là vợ chồng và thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân bà N, ông S có được tài sản bao gồm: 600.000.000 đồng tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N2; Phần này các đương sự không tranh chấp. Ngoài ra còn có quyền sử dụng đất tại thửa số 38 với diện tích 300 m^2 loại đất ở nông thôn; Quyền sử dụng đất tại thửa số 39 với diện tích 345,3 m^2 loại đất trồng cây lâu năm; Quyền sử dụng đất tại thửa số 106 với diện tích 2550 m^2 loại đất trồng cây lâu năm theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp cùng ngày 11/5/2020 cho hộ ông Trương Văn S đứng tên đang tranh chấp.

[2.1] Nguyên đơn cho rằng quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng và ông bà không có con. Ngày 07/4/2003 ông Trương Văn S chết không có người thừa kế khác ngoài bà, nên tài sản ½ là của bà phần của ông S bà được hưởng thừa kế, nên đề nghị công nhận cho bà được trọn quyền sử dụng (Cha mẹ ông S đã chết trước đó từ rất lâu).

[2.2] Bị đơn Trương Hoàng Hữu T cho rằng do bà N và ông S không có con nên khi 04 tuổi ông Sáu T4 làm khai sinh nhận ông T làm con nuôi và cho nhập hộ khẩu vào gia đình; Nên khi ông S chết bị đơn yêu cầu chia quyền sử dụng đất theo hộ khẩu và yêu cầu chia thừa kế phần ông S. Nhưng đồng ý cho bà N được quyền sử dụng toàn bộ nhưng không được chuyển quyền, đến khi tuổi già giao cho ông được thừa hưởng để thờ cúng.

[3] Nhận thấy tranh chấp giữa các bên xuất phát từ việc bị đơn cho rằn ông S bà N nhận ông T làm con nuôi; Do đó, để giải quyết tranh chấp giữa các bên cần xem xét đến trình tự thủ tục nhận con nuôi và điều kiện thực tế để xác định quan hệ giữa cha mẹ nuôi với con nuôi.

[3.1] Xét trình tự thủ tục nhận con nuôi: Theo bị đơn căn cứ xác định bị đơn là con nuôi dựa vào khai sinh ghi nhận bà N, ông S là cha mẹ ông T và có thừa nhận của UBND xã xác định là đúng trình tự thủ tục. Nhận thấy, chỉ căn cứ vào giấy khai sinh để xác định bị đơn là con nuôi là chưa đủ căn cứ pháp luật; Mặc khác khai sinh bị đơn cung cấp ghi nhận bị đơn là con mà không phải ghi là con nuôi. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 về trình tự nhận con nuôi thì hồ sơ nhận con nuôi phải đảm bảo đủ các điều kiện sau: *Đối với người nhận con nuôi phải có đơn xin nhận con nuôi, bản sao giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu, phiếu lý lịch tư pháp, xác định tình trạng hôn nhân, giấy chứng nhận điều kiện kinh tế. Đối với hồ sơ của người nhận làm con nuôi phải có giấy khai sinh, giấy xác nhận tình trạng mồ côi, hoặc khó khăn (nếu có), văn bản đồng ý cho nhận làm con nuôi của cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ.* Như vậy quá

trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh T và bao gồm cả UBND xã cũng không cung cấp được hồ sơ thực hiện trình tự thủ tục nhận con nuôi theo quy định của pháp luật hiện hành.

[3.2] Về điều kiện thực tế để xác định quan hệ giữa cha mẹ nuôi với con nuôi: Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn T2 là cha đẻ của anh T và anh Trương Hoàng Hữu T đều thừa nhận chỉ có tên trong khai sinh và trong hộ khẩu xác định anh T là con của bà N và ông S, nhưng thực tế anh T sống chung gia đình với ông T2 là cha đẻ cho đến lớn không sống chung với bà N, ông S. Đều này chứng minh không có việc bàn giao con giữa cha mẹ đẻ với người nhận nuôi con sai với quy định của Luật hôn nhân tại thời điểm. Không có chứng cứ chứng minh, giữa ông Trương Văn S, bà Lâm Thị Hồng N với anh Trương Hoàng Hữu T phát sinh mối quan hệ cha, mẹ nuôi với con nuôi, không sống chung nhà, không có mối chăm sóc, yêu thương nhau không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa cha, mẹ nuôi và con nuôi.

[3.3] Các đương sự đều thừa nhận phần đất là tài sản do ông S và bà N tạo lập, không phải là phần đất được nhà nước cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai, không phải là đất cấp theo bình quân hộ để được cấp đất, nên có tên trong hộ không phải là điều kiện để được phân chia đất.

[4] Từ nhận định về trình tự thủ tục và điều kiện thực tế tại [3] nêu trên có căn cứ không công nhận bị đơn Trương Hoàng Hữu T là con nuôi và tài sản quyền sử đất đang tranh chấp không phải là tài sản chung; Nên cáo yêu cầu được chia tài sản chung và yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất của anh Hữu T không có căn cứ chấp nhận. Đồng thời như nhận định tại [1] không có căn cứ chấp nhận đề nghị hủy án của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Trương Hoàng Hữu T về việc yêu cầu được chia tài sản chung trong hộ và yêu cầu được chia thừa kế phần đất tranh chấp theo quy định của pháp luật.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 56/2025/DS-ST ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang; Nay khu vực A - Cần Thơ.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bị đơn Trương Hoàng Hữu T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Chuyển 300.000[đ] tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số

0003788 ngày 02 tháng 06 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 - Cần Thơ thành án phí.

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực theo nội dung quyết định bản án sơ thẩm số 56/2025/DS-ST ngày 11/6/2025 thẩm đã tuyên.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 16 tháng 12 năm 2025.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSND TP. Cần Thơ;*
- *TAND KV 14. Cần Thơ;*
- *THADS TP. Cần Thơ;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Võ Hoàng Khải